

第12課

1. Cách chia tính từ
2. N_1 は N_2 よりAです
3. N_1 と N_2 とどちらがAですか
4. N [のなか]で NVT がいちばんAですか



1

CÁCH CHIA TÍNH TỪ

A _な	Hiện tại & Tương lai	Quá khứ
Khẳng định	A _な です	A _な でした
Phủ định	A _な →Aじゃありません	A _な →Aじゃありませんでした



1

CÁCH CHIA TÍNH TỪ

Aい	Hiện tại & Tương lai	Quá khứ
Khẳng định	Aいです	A이었습니다
Phủ định	A は →Aくないです	A は →くありません



1

HÃY DỊCH LẠI CÁC CÂU SAU

1. Tối hôm qua trời rất lạnh.
2. Tuần sau tôi bận nên không đi dự tiệc cùng với mọi người được.
3. Bài kiểm tra tuần trước không khó cho lắm.
4. Anh ấy đã không tốt bụng.
5. Núi phú sĩ là núi rất nổi tiếng.
6. Đôi giày này không đẹp tí nào.

1

1. Tôi hôm qua trời rất lạnh.

きのうのよる、とてもさむかったです

2. Tuần sau tôi bạn nên không đi dự tiệc cùng với mọi người được.

らいしゅうはいそがしいですから、パーティーにいけません。

3. Bài kiểm tra tuần trước không khó cho lắm.

せんしゅうのしけんはあまりむずかしくなかったです

4. Anh ấy đã không tốt bụng.

かれはしんせつじゃありませんでした

5. Núi phú sĩ là núi rất nổi tiếng.

ふじさんはとてもゆうめいなやまです

6. Đôi giày này không đẹp tí nào.

このくつはぜんぜんきれいじゃありません

2

N_1 は N_2 より A です

N1 thì A hơn N2

Ý nghĩa: danh từ 1 có tính chất, trạng thái hơn danh từ 2. mang tính so sánh hơn.

2



A.

370.000.000

So
sánh



B.

380.000.000

Xe A rẻ hơn xe B

AのくるまはBのくるまよりやすいです

Xe B đẹp hơn xe A

BのくるまはAのくるまよりきれいです

3

N1 と N2 と どちら **が** **A**ですか
N1 và N2 thì **cái nào** **A** hơn?



N1/N2 **のほう** **が** **A** です
N1 / N2 thì **A** **hơn**.

Ý nghĩa: so sánh giữa 2 đối tượng trở lên. Cái nào hơn cái nào.

2



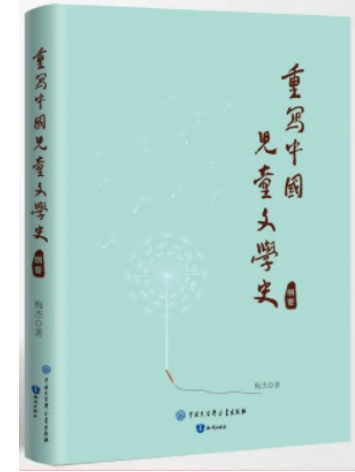
バラ



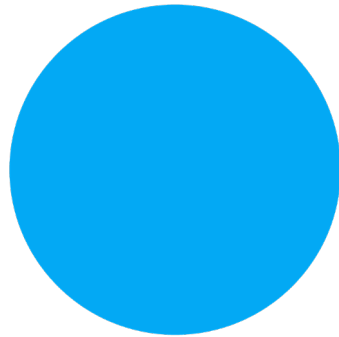
ひまりわり



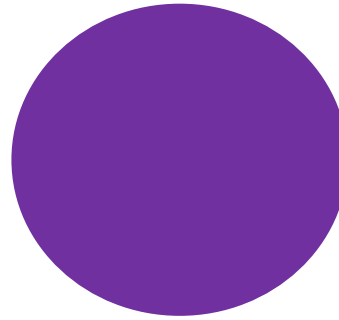
すうがく



ぶんがく



あおい



むらさき

4

N [のなか] **で** **N V T** **が** いちばん **A** ですか
Trong số các **N** **thì** **cái nào** **A** **nhất ?**



N2 **が** いちばん **A** です
N2 là **A** nhất

Ý nghĩa: trong một giới hạn N nào đó
thì cái nào là nhất.

Hãy đặt câu so sánh: trong gia đình



Hãy đặt câu so sánh: trường học, môn học, bạn bè

